

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ;**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Thanh N, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh B

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Thanh P, sinh năm 1980

2. Chị Trương Thị P;

Địa chỉ: ấp P, xã Vĩnh P, huyện P, tỉnh B.

3. Bà Trần Mỹ T, sinh năm 1978

4. Ông Nguyễn Văn U;

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

5. Bà Quách Thu H, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

6. Ngân hàng T; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trung V- Trưởng phòng giao dịch huyện P.

Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh B

7. Quỹ Tín dụng nhân dân P.

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Tuấn K, chức vụ: Trưởng ban kiểm soát Quỹ Tín dụng nhân dân P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/12/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

I/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T;

II/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T cùng thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

2/. Về con chung: Giao 02 cháu Bùi Thanh L sinh ngày 22/10/2008 và Bùi Thị Ngọc C sinh ngày 03/02/2011 cho Anh Bùi Thanh N nuôi dưỡng giáo dục; Anh Bùi Thanh N không yêu cầu chị Lê Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị T đồng ý không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh Bùi Thanh N.

Chị Lê Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung:

I. Chia tài sản chung cho Anh Bùi Thanh N khi ly hôn gồm những tài sản sau:

1. Nhà thứ nhất: chiều ngang mặt trước 3.6m, mặt sau 3.55m, chiều dài 20.9m, diện tích 74.72m<sup>2</sup> kết cấu: nhà cấp 4, xây tường, khung sườn bê tông cốt thép. Trị giá là 147.647.000 đồng.

2. Nhà thứ hai: chiều ngang mặt trước 4.3m, mặt sau 4.1m, chiều dài 16.45m, diện tích 69.09m<sup>2</sup>, kết cấu: nhà cấp 4, khung sườn bê tông cốt thép, xây tường. Trị giá là 116.865.000 đồng.

3. Xưởng gỗ: Chiều ngang mặt trước 4.4m, mặt sau 4.25m, chiều dài 20.55m, diện tích 88.88m<sup>2</sup>, kết cấu: nhà loại 5, khung sườn cột bê tông cốt thép, vách tường xây không sơn, đòn tay kèm, mái lợp tol lạnh, nền tráng xi măng. Trị giá là 73.961.709 đồng.

4. Phần đất có diện tích 322.9m<sup>2</sup> tại thửa 202 tờ bản đồ số 94, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 764893 cấp ngày 08/10/2015 do hộ Anh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T đứng tên quyền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh B, gắn liền với 03 căn nhà trên. Đất có vị trí số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần nhà ở của ông Nguyễn Văn U có số đo 21.7m
- Hướng Tây giáp nhà Bác sĩ Đ có số đo 21.7m
- Hướng Nam giáp cửa hàng Út Đồng Tiến có số đo 14.9m
- Hướng Bắc giáp lộ có số đo 14.9m.

Diện tích 322.9m<sup>2</sup> trị giá là 1.229.926.100 đồng.

5. Phần đất có diện tích 111.60m<sup>2</sup> tại thửa 37 tờ bản đồ số 62, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 291248 cấp ngày 07/3/2017 do hộ Anh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T đứng tên quyền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh B, đất có vị trí số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của anh Nguyễn Hoàng Vũ có số đo 14.7m
- Hướng Tây giáp đất bà N có số đo 14.7m
- Hướng Nam giáp Lộ có số đo 8m
- Hướng Bắc giáp Kênh sáng Phụng Hiệp có số đo 8m.

Diện tích 111.60m<sup>2</sup> trị giá là 45.550.990 đồng.

Tổng tài sản anh Bùi Thanh N được nhận khi ly hôn là 1.613.950.799 đồng, nhưng trừ đi nghĩa vụ anh Bùi Thanh N hoàn lại cho chị Lê Thị T 200.000.000đ. Tài sản anh

Bùi Thanh N được chia khi ly hôn là 1.413.950.799 đồng.

II. Chia tài sản chung cho chị Lê Thị T khi ly hôn gồm những tài sản sau:

1. Diện tích đất nông nghiệp theo đo đạc thực tế diện tích 4674.27m<sup>2</sup> tại thửa 96 tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 445881 cấp ngày 19/7/2010 do hộ Anh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T đứng tên; đất tọa lạc tại ấp P, xã Vĩnh P, huyện P, tỉnh B. Đất có vị trí số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Kiệt có số đo 32m+ 8.6m+ 13.4m+ 8.5m

- Hướng Tây giáp đất ông Lê Hoàng A có số đo 21.8m+ 32.0m

- Hướng Nam giáp đất ông Trần Quang U có số đo 127.2m

- Hướng Bắc giáp đất ông Lê Hoàng L có số đo 66m+ 94m

Diện tích đất 4674.27m<sup>2</sup> trị giá là 144.266.669 đồng.

2. Buộc Anh Bùi Thanh N phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Lê Thị T số tiền số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), là giá trị tài sản chị Lê Thị T được chia theo giá trị.

Tổng tài sản chị Lê Thị T được chia khi ly hôn là 344.266.669 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

III/ Về nợ chung: Anh Bùi Thanh N có nghĩa vụ trả nợ như sau:

1. Tính đến ngày 19/12/2017 ông Bùi Thanh N, chị Lê Thị T còn nợ Quỹ Tín dụng nhân dân P số tiền 220.439.000đ (Hai trăm hai chục triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn). Đại diện Quỹ Tín dụng nhân dân P, Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T thống nhất thỏa thuận Anh Bùi Thanh N có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Quỹ Tín dụng nhân dân P.

Buộc Anh Bùi Thanh N có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ Tín dụng nhân dân P số tiền vay là 220.439.000đ (Hai trăm hai chục triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn); trong đó tiền gốc là 203.572.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng và lãi là 16.867.000đ (Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày 20/12/2017, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân huyện P, Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T thống nhất trong trường hợp Anh Bùi Thanh N không có khả năng thanh toán số tiền trên thì Quỹ tín dụng nhân dân huyện P có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/4/2017; Bao gồm phần đất diện tích 4674.27m<sup>2</sup> tại thửa 96 tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 445881 cấp ngày 19/7/2010 do hộ Anh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T đứng tên, đất tọa lạc tại ấp P, xã Vĩnh P, huyện P, tỉnh B và phần đất có diện tích 111.60m<sup>2</sup> tại thửa 37 tờ bản đồ số 62, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 291248 cấp ngày 07/3/2017 do hộ Anh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T

đứng tên quyền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

2. Tính đến ngày 19/12/2017 ông Bùi Thanh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T còn nợ Ngân hàng T số tiền 843.655.920đ (Tám trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng). Đại diện Ngân hàng T, Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T thống nhất thỏa thuận Anh Bùi Thanh N có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng T.

Buộc Anh Bùi Thanh N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T số tiền là 843.655.920đ (Tám trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng); trong đó tiền gốc là 784.000.000đ (Bảy trăm tám mươi bốn triệu đồng và lãi là 59.655.920đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm hai chục đồng);

Kể từ ngày 20/12/2017, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đại diện Ngân hàng T, Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T thống nhất trong trường hợp Anh Bùi Thanh N không có khả năng thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 15/10/2015; Tài sản phát mãi gồm phần đất tại thửa 202 tờ bản đồ số 94, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ Anh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T đứng tên, đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh B, đất có vị trí số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần nhà ở của ông Nguyễn Văn U có số đo 21.7m
- Hướng Tây giáp nhà Bác sĩ Đ có số đo 21.7m
- Hướng Nam giáp cửa hàng B có số đo 12.2m
- Hướng Bắc giáp lộ có số đo 12.2m.

Anh Bùi Thanh N, chị Lê Thị T có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo nội dung phân chia tài sản chung của của quyết định này.

4/. Bà Quách Thu H rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T trả phần đất có chiều ngang 5m, chiều dài 21.7m. Chị Lê Thị T, anh Bùi Thanh N thống nhất việc rút yêu cầu trên.

5/. Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản gồm: 01 máy liên hợp cũ; 01 máy đục lỗ vuông; 01 máy lọng; 01 tivi hiệu panasonic 42in; 01 tủ lạnh hiệu panasonic; 01 máy lạnh hiệu panasonic; 01 tủ quần áo bằng gỗ ép; 01 tủ quần áo bằng nhôm; 01 chiếc xe máy hiệu wave. Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản trên.

6/. Anh Lê Thanh P, chị Trương Thị P, bà Trần Mỹ T, ông Nguyễn Văn U, bà Quách Thu H không có yêu cầu gì liên quan đến việc giải quyết vụ án, đều thống nhất với thỏa thuận của Anh Bùi Thanh N và chị Lê Thị T.

7/. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 1.000.000đ (Một triệu đồng), Anh Bùi Thanh N tự nguyện chịu chi phí trên, Anh Bùi Thanh N đã nộp đủ.

8/. Về án phí hôn nhân và gia đình hòa giải thành: Anh Bùi Thanh N tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Bùi Thanh N đã nộp tạm ứng

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lai thu tiền số 0009754 ngày 18/4/2017 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí, Anh Bùi Thanh N được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh Bùi Thanh N phải nộp số tiền 8.746.400đ (Tám triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

- Chị Lê Thị T phải nộp số tiền 8.606.700đ (Tám triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm đồng). Chị Lê Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), lai thu tiền số 0009883 ngày 19/6/2017, đối trừ chị Lê Thị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 6.606.700đ (Sáu triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm đồng).

- Hoàn lại cho bà Quách Thu H số tiền nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lai thu tiền số 0010325 ngày 24/10/2017 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- UBND thị trấn P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Huỳnh Tố Hiền**